

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BỘ SÁCH CHUYÊN KHẢO
TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Đặng Huy Huỳnh (Chủ biên)
Phạm Trọng Ảnh, Lê Xuân Cảnh, Nguyễn Xuân Đăng,
Hoàng Minh Khiên, Đặng Huy Phương

THÚ RỪNG-MAMMALIA VIỆT NAM
HÌNH THÁI VÀ SINH HỌC SINH THÁI
MỘT SỐ LOÀI

TẬP II

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

Mục lục

	Trang
Mục lục.....	i
Lời nói đầu.....	iii
Chương I. Bộ linh trưởng – PRIMATES LINNAEUS, 1758	11
1. Khái quát về bộ linh trưởng.....	11
1.1. Hệ thống phân loại bộ linh trưởng.....	11
1.2. Tình hình phân loại thú linh trưởng ở Việt Nam.....	12
2. Tổng quan về thú linh trưởng.....	16
2.1. Tình hình nghiên cứu thú linh trưởng.....	16
2.2. Đặc điểm hình thái phân loại.....	18
2.3. Đặc trưng phân bố của thú linh trưởng ở Việt Nam.....	20
2.4. Giá trị nguồn lợi thú linh trưởng.....	22
3. Đặc điểm một số loài thú linh trưởng.....	23
 Chương II. Bộ ăn thịt – CARNIVORA BOWDICH, 1821	 83
1. Khái quát về bộ thú ăn thịt.....	83
1.1. Đặc trưng hình thái phân loại.....	83
1.2. Những số đo cơ bản.....	84
1.3. Giá trị nguồn lợi.....	85
1.4. Hệ thống phân loại.....	86
2. Đặc điểm của một số loài thú ăn thịt.....	91

Chương III. Bộ có vòi - PROBOSCIDEA	155
1. Khái quát về bộ có vòi	155
1.1. Một số đặc điểm cơ bản	155
1.2. Đặc điểm phân loại và Phân bố	155
2. Voi châu Á	156
 Chương IV. Bộ móng guốc ngón lẻ - PERISSODACTYLA	 161
1. Khái quát về bộ móng guốc ngón lẻ	161
1.1. Đặc điểm hình thái	161
1.2. Đặc điểm sinh học sinh thái	162
1.3. Đặc điểm khu hệ và phân bố	162
2. Đặc điểm một số loài thú móng guốc ngón lẻ	165
 Chương V. Bộ móng guốc ngón chẵn - ARTIODACTYLA	 175
1. Khái quát về bộ thú móng guốc ngón chẵn	175
2. Một số đặc điểm cơ bản của thú móng guốc ngón chẵn	177
2.1. Một số Đặc điểm hình thái	177
2.2. Một số đặc điểm sinh học sinh thái	178
2.3. Đặc điểm phân bố ở Việt Nam	179
3. Đặc điểm của một số loài thú móng guốc ngón chẵn	183
4. Giá trị của thú móng guốc ngón chẵn	235
4.1. Giá trị nguồn gen quý hiếm dự trữ trong thiên nhiên	235
4.2. Giá trị kinh tế	236
4.3. Giá trị dược liệu	237
4.4. Các giá trị khác	237
Tài liệu tham khảo tiếng việt	239
Tài liệu tham khảo tiếng Anh	243

Mở đầu

Lãnh thổ Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ tuyến theo hướng Bắc - Nam từ 8^0 đến 23^0 vĩ Bắc; có hàng nghìn kilômét biên giới với nhiều quốc gia láng giềng, có bờ biển dài 3260km. Địa hình đa dạng từ 0m lên đến độ cao lớn nhất là đỉnh núi Fangxipăng cao 3140m so với mặt nước biển, 3/4 lãnh thổ là đồi núi và hai đồng bằng rộng lớn: đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long ở phía Nam. Tuy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do địa hình đa dạng nên khí hậu thay đổi từ điều kiện nhiệt đới ở phía Nam đến điều kiện ôn đới núi cao ở phía Bắc tạo nên sự đa dạng các hệ sinh thái. Làm nền tảng sự hình thành đa dạng sinh học, trong đó có các loài động vật hoang dã. Động vật hoang dã ở Việt Nam rất phong phú trong đó có thành phần các loài thú thuộc bộ linh trưởng (*Primates*), bộ ăn thịt (*Carnivora*), bộ thú guốc chẵn (*Artiodaetyla*), bộ guốc lẻ (*Perissodaetyla*) và bộ có vòi (*Proboscidea*). Đây là những loài thú có giá trị kinh tế đồng thời có ý nghĩa bảo tồn cao ở Việt Nam và trên thế giới, nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay.

Thực vậy Việt Nam cũng giống như hầu hết các dân tộc trên hành tinh này, khi nói đến các nguồn tài nguyên động vật, là bao gồm các loài động vật đã được con người thuần hóa trở thành những con vật nuôi hiền hậu luôn luôn sống gắn bó với con người như: trâu, bò, dê, cừu, ngựa, lợn, thỏ, gà, vịt, ngỗng... đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho con người và các loài động vật hoang dã đang sống, phân bố trên khắp các hệ sinh thái chưa được sự áp ủ, chăm sóc của con người. Nhưng chính các giống, loài hoang dã này cũng đã từng mang lại cho loài người nhiều lợi ích vô cùng to lớn. Thực ra cho đến nay chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào lượng giá được hết các ý nghĩa về chức năng sinh thái và giá trị kinh tế cụ thể của các loài động vật sống hoang dã trong từng vùng lãnh thổ, từng hệ sinh thái trên cạn cũng như các vùng đất ngập nước. Nhưng tất cả đều ý thức được rằng động vật nói chung và tài nguyên động vật hoang dã trong đó có các loài thú linh trưởng (vượn, khỉ), thú ăn thịt (hổ, báo...), thú có guốc (tê giác, bò rừng,

nai...) và voi nói riêng, là một tài sản vô giá của nhân loại. Đây là quỹ gen tự nhiên có tiềm năng chịu đựng tốt với các yếu tố khí hậu khắc nghiệt của thiên nhiên tạo nên tính thích nghi cao, sản sinh ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, có mùi vị thơm, ngon, lượng mỡ thấp, hàm lượng đạm có hoạt tính sinh học cao... Đó là nguyên liệu di truyền làm nền tảng để lai tạo làm phong phú cho các giống, loài đã được thuần hóa, nuôi dưỡng qua nhiều thế hệ.

Với giá trị đa mục đích của các loài động vật hoang dã nói chung, các loài thú linh trưởng, thú ăn thịt, thú có guốc nói riêng nên ngay từ thế kỷ XIII trong sách "Nam dược thần hiệu". Danh y Tuệ Tĩnh đã thống kê 480 vị thuốc nam trong đó có 36 loài thú, 32 loài côn trùng, 8 loài có vẩy, 35 loài cá, 6 loài rùa, 39 loài chim... và chính Hải Thượng Lãn Ông cũng ghi nhận trong Lĩnh Nam bản thảo; trong công trình của Đỗ Tất Lợi (1991) có mô tả nhiều loài động vật làm thuốc; Võ Văn Chi (1998) đã ghi nhận mô tả 454 loài động vật có xương sống và không xương sống có giá trị làm thuốc... Với giá trị to lớn của các loài thú thuộc bộ linh trưởng, bộ ăn thịt, bộ có guốc, bộ có vôi ở Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành điều tra nghiên cứu ngoài thực địa trên hầu hết các vùng địa lý khác nhau trong 7 vùng sinh thái của Việt Nam, và kế thừa tham khảo thu thập, phân tích các tư liệu của các nhà khoa học trong và nước ngoài từ trước đến nay đã thống kê được 85 loài thú thuộc 17 họ nằm trong 5 bộ (linh trưởng, ăn thịt, có guốc ngón lẻ, ngón chẵn, có vôi) trong đó có 63 loài, chiếm 70,0% tổng số loài thú đang có nguy cơ bị tuyệt chủng, bị giảm sút số lượng đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Trong số này có 11 loài nguy cấp và 5 loài cho đến nay vẫn không còn xuất hiện trong thiên nhiên; 53/63 loài có tên trong phụ lục IB, IIB Nghị định 32-2006/NĐ-CP. Qua đó cho thấy tình hình suy giảm về số lượng các loài thú thuộc 5 bộ thú nói trên là đáng báo động. Nhằm góp phần làm cơ sở cho chiến lược quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững các loài thú có giá trị kinh tế và bảo tồn cao ở Việt Nam. Với sự đầu tư kinh phí của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, tập thể các cán bộ nghiên cứu về thú của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật tập hợp xử lý phân tích các tài liệu có liên quan để biên soạn tập II về Thú rừng (*Mammalia*) Việt Nam. (Hình thái sinh học sinh thái) của các loài thú thuộc bộ linh trưởng (*Primates*), bộ thú ăn thịt (*Carnivora*), bộ thú guốc lẻ (*Perissodactyla*), bộ guốc chẵn (*Artiodactyla*) và bộ có vôi

(*Proboscidea*) nhằm cung cấp thêm những tư liệu về hình thái sinh học sinh thái của các loài thú ở Việt Nam, góp phần làm cơ sở khoa học trong việc triển khai các chương trình nghiên cứu, kế hoạch bảo tồn nguyên vị (Insitu) và chuyển vị (Exsitu) các loài động vật hoang dã ở Việt Nam.

Tập I đã được Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ xuất bản năm 2007; tiếp theo tập I, tập II được biên soạn bởi tập thể tác giả: GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh chủ biên, PGS. TS. Lê Xuân Cảnh biên soạn bộ linh trưởng; PGS. TS. Nguyễn Xuân Đặng, TS. Phạm Trọng Ảnh biên soạn bộ ăn thịt. TS. Hoàng Minh Khiên, ThS. Đặng Huy Phương biên soạn bộ có vôi, bộ móng guốc ngón lẻ, bộ móng guốc ngón chẵn.

Tập thể các tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn các nhà khoa học, bạn đồng nghiệp ở các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên đã cho tham khảo tài liệu quý báu. Đặc biệt tập thể tác giả chân thành cảm ơn Hội đồng biên tập, Ban Giám đốc Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ đã tạo điều kiện giúp đỡ để biên soạn bộ sách này. Chuyên khảo được soạn thảo với thời gian và điều kiện vật chất có hạn, chắc chắn còn thiếu sót. Các tác giả mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu của các bạn đồng nghiệp và bạn đọc để bổ sung hoàn chỉnh trong thời gian tới.

TM. Tập thể các tác giả

Chủ biên

GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh

**FOREST MAMMALS (MAMMALIA) OF VIETNAM
MORPHOLOGY, BIOLOGY AND ECOLOGY OF KEY SPECIES.
(VOLUME II)**

**Dang Huy Huynh (Chief editor),
Pham Trong Anh, Le Xuan Canh, Nguyen Xuan Dang,
Hoang Minh Khien, Dang Huy Phuong.**

Monography “*Forest Mammals (Mammalia) of Vietnam: Morphology, Biology and Ecology of Key species*” was prepared by outstanding scientists from Institute of Ecology and Biological Resource (IEBR), Vietnam’s Academy of Science and Technology. The monograph consists of 2 volumes. Volume I which was published by Publishing House of Natural Science and Technology in 2007 consists of 4 chapters:

- Chapter 1. Overview of history of mammal study in Vietnam
- Chapter 2. Main characteristics of Mammal fauna of Vietnam
- Chapter 3. Characteristics of Insectivora, Scandetia and Dermoptera
- Chapter 4. Order Chiroptera

Volume II consists of 5 chapters:

- Chapter 1. Order Primates (Primates)
- Chapter 2. Order Carvivore (Carvivora)
- Chapter 3. Order Elephants and Tapirs (Proboscidea)
- Chapter 4. Order Odd-toed Ungulates (Perissodactyla)
- Chapter 5. Order Even-toed Ungulates (Artiodactyla)

Each chapter provides updated information on general characteristics of the described order (typical morphological taxonomic features, taxonomic review, distribution and importance) and detailed information on key species. For each key species information on following characteristics are provided:

- Vietnamese names

- Scientific name, including main synonyms
- Morphological features: Description of external morphological features
- Biological and Ecological features: Habitat requirement, food and feeding ecology, activity pattern, behaviour, population size and structures, breeding, etc.
- Distribution: Global and national distribution
- Significance: Economical, scientific, etc.
- Conservation status: Enlisting IUCN Red List, Vietnam Red Data Book, Decree 32/2006/ND-CP, etc.

Totally, 74 mammal species are described in Volume II, as following:

Order Primates	Primates
1. Slow Loris	<i>Nycticebus bengalensis</i>
2. Lesser Slow Loris	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
3. Stump-Tailed Macaque	<i>Macaca arctoides</i>
4. Rhesus Macaque	<i>Macaca mulatta</i>
5. Assamese Macaque	<i>Macaca assamensis</i>
6. Crab-Eating Macaque	<i>Macaca fascicularis</i>
7. Pig-Tailed Macaque	<i>Macaca leonia</i>
8. Grey Langur	<i>Trachypithecus barbei</i>
9. Francoi's Langur	<i>Trachypithecus francoisi</i>
10. Golden-headed Langur	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
11. Delacour's Langur	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12. Hatinh's Langur	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
13. Indochinese Silvered Langur	<i>Trachypithecus germaini</i>
14. Black Langur	<i>Trachypithecus ebenus</i>

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| 15. Tonkin Snuc-Nosed Monkey | <i>Rhinopithecus avunculus</i> |
| 16. Black-Shaned Douc Langur | <i>Pygathrix nigripes</i> |
| 17. Red-Shaned Douc Langur | <i>Pygathrix nemaeus</i> |
| 18. Grey-Shaned Douc Langur | <i>Pygathrix cinerea</i> |
| 19. Western Black Crested Gibbon | <i>Nomascus concolor</i> |
| 20. Eastern Black Crested Gibbon | <i>Nomascus nasutus</i> |
| 21. Purple-Cheeked Crested Gibbon | <i>Nomascus siki</i> |
| 22. Yellow-Cheeked Crested Gibbon | <i>Nomascus gabriellae</i> |
| 23. White-Cheeked Crested Gibbon | <i>Nomascus leucogenys</i> |

Order Carnivores**Canivora**

- | | |
|------------------------------|---------------------------------|
| 24. Raccoon Dog | <i>Nyctereutes procyonoides</i> |
| 25. Red Dog | <i>Cuon alpinus</i> |
| 26. Asiatic Black Bear | <i>Ursus thibetanus</i> |
| 27. Malayan Sun Bear | <i>Ursus malayanus</i> |
| 28. Hog Badger | <i>Arctonyx collaris</i> |
| 29. Small-Clawed Otter | <i>Aonyx cinerea</i> |
| 30. Hairy-Nosed Otter | <i>Lutra sumatrana</i> |
| 31. Common Otter | <i>Lutra lutra</i> |
| 32. Smooth-Coated Otter | <i>Lutrogale perspicillata</i> |
| 33. Yellow-Throated Marten | <i>Martes flavigula</i> |
| 34. Small-Toothed Marten | <i>Melogale moschata</i> |
| 35. Yellow-Bellied Weasel | <i>Mustela moschata</i> |
| 36. Binturong | <i>Arctictis binturong</i> |
| 37. Three-Striped Palm Civet | <i>Arctogalidia trivirgata</i> |
| 38. Owston's Banded Civet | <i>Hemigalus owstoni</i> |

39. Masked Palm Civet	<i>Paguma larvata</i>
40. Common Palm Civet	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>
41. Spotted Linsang	<i>Prionodon pardicolor</i>
42. Large - Spotted Civet	<i>Viverra megaspila</i>
43. Large Indian Civet	<i>Viverra zibetha</i>
44. Small Indian Civet	<i>Viverricula indica</i>
45. Small Asian Mongoose	<i>Herpestes javanicus</i>
46. Crab - Eating Mongoose	<i>Herpestes urva</i>
47. Jungle Cat	<i>Felis chaus</i>
48. Spotted Leopard	<i>Panthera pardus</i>
49. Tiger	<i>Panthera tigris</i>
50. Marbled Cat	<i>Pardofelis marmorata</i>
51. Clouded Leopard	<i>Pardofelis nebulosa</i>
52. Leopard Cat	<i>Prionailurus bengalensis</i>
53. Fishing Cat	<i>Prionailurus viverrinus</i>
54. Golden Cat	<i>Catopuma temminckii</i>

Order Elephants

55. Asian Elephant

Proboscidea

<i>Elephas maximus</i>

Order Odd - toed Ungulates

56. Malayan Tapir
57. Sumatran Rhinoceros
58. Vietnamese Rhinoceros

Perissodactyla

<i>Tapirus indicus</i>
<i>Dicerorhinus sumatrensis</i>
<i>Rhinoceros sondaicus</i>

Order Even - toed Ungulates

59. Wild Boar
60. Lesser Malay Mouse Deer
61. Hog Deer

Artiodactyla

<i>Sus scrofa</i>
<i>Tragulus javanicus</i>
<i>Axis porcinus</i>